

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh Đ (chị H, anh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh N năm 2016. Sau kết hôn vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Bản thân anh Đ không quan tâm đến vợ, con đồng thời còn ham mê lô đề, cờ bạc. Hai bên sống ly thân nhau từ tháng 10/2021, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/3/2015 hiện nay đang ở cùng anh Đ. Chị đồng ý để cháu Đ cho anh Đ trực tiếp

nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Đ đến làm việc nhưng anh Đ vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đã tiến hành phối hợp với đại diện chính quyền địa phương làm việc với đại diện gia đình anh Nguyễn Văn Đ.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh Đ vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa do anh Đ vắng mặt nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa. Anh Nguyễn Văn Đ đã gửi bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, với nội dung trình bày như sau: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh N ngày 24/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần đây thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh chị hiện đang sống ly thân nhau. Anh đã cố gắng níu kéo để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ tuy nhiên chị H vẫn kiên quyết ly hôn, do vậy anh cũng đồng ý ly hôn với chị H; Giữa anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đg, sinh ngày 30/3/2015, hiện nay cháu Đg đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đg, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Cháu Nguyễn Hải Đg, sinh ngày 30/3/2015 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng bố là anh Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng

xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H; Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hải Đg, sinh ngày 30/3/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; Về tài sản chung và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về án phí, chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh Đ đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng chị H và anh Đ có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ đã cố gắng níu kéo để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hải Đg, sinh ngày 30/3/2015 hiện nay đang ở cùng anh Đ. Anh, chị có ý kiến thống nhất giao Đg cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa nguyện vọng của cháu Đg cũng mong muốn được ở cùng anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cháu Nguyễn Hải Đg cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Đg, sinh ngày 30/3/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Hoàng Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003651, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Anh